

MẤY SUY NGHĨ VỀ ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

TS. Nguyễn Khắc Bình

Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TÓM TẮT

Tính đến ngày 31/12/2010 cả nước có 414 trường đại học và cao đẳng (188 trường đại học và 226 trường cao đẳng). Quy mô sinh viên toàn quốc là 2.162.106. Mạng lưới trường đại học, cao đẳng đã phủ kín 62/63 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục đại học nước ta vẫn còn bộc lộ một số hạn chế bất cập như: Cơ cấu hệ thống giáo dục đại học chưa đồng bộ. Tình trạng mất cân đối giữa cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề đào tạo chậm được khắc phục, chưa đáp ứng được yêu cầu nhân lực của xã hội. Nhiều loại hình trường (trường đại học, viện đại học, học viện trong học viện v.v...).

Trước tình hình đó, giáo dục đại học cần phải đổi mới hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, trong đó đổi mới cơ chế quản lý giáo dục và đào tạo, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt v.v...

Từ khóa: Bất cập; chưa đồng bộ; chưa hiệu quả; đổi mới, giáo dục đại học.

Ngày nhận bài: 23/12/2011; Ngày duyệt đăng bài: 20/5/2012.

1. Thực trạng giáo dục đại học hiện nay

1.1. Những thành tựu

1.1.1. Quy mô và mạng lưới cơ sở giáo dục đại học phát triển, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của xã hội

- Tính đến ngày 31/12/2010 cả nước có 414 trường đại học và cao đẳng (188 trường đại học và 226 trường cao đẳng), trong đó 52 trường đại học và 28 trường cao đẳng ngoài công lập chiếm tỷ lệ 19,3%; Cả nước có 159 cơ sở đào tạo sau đại học (71 viện nghiên cứu, chiếm 44,7% và 88 trường đại học, chiếm 55,3%), trong đó có 121 cơ sở đào tạo tiến sĩ và 101 cơ sở đào tạo thạc sĩ (trong đó, có 7 trường đại học ngoài công lập được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ).

- Năm 1987 tổng số sinh viên là 133.136, năm 1997 là 715.231 (tăng 5,4 lần), năm 2010 là 1.643.780 (tăng 2,30 lần so với năm 1997 và gần 12,35 lần so với năm 1987); Từ năm 2000 đến nay, các cơ sở trung bình mỗi năm đào tạo 650 tiến sĩ trong nước. Năm 2008, các cơ sở đào tạo sau đại học đã tuyển được 1.805 nghiên cứu sinh và 22.885 học viên cao học. Năm 2010, các cơ sở đào tạo sau đại học trong nước đã đăng ký 2.504 chỉ tiêu đào tạo tiến sĩ và 30.638 chỉ tiêu đào tạo thạc sĩ. So với chỉ tiêu đào tạo ở nước ngoài, năm 2010, số lượng nghiên cứu sinh trong nước cao hơn 3,57 lần, học viên cao học gấp 15,3 lần. Tổng quy mô đào tạo không chính quy hiện nay 532.972 sinh viên, chiếm xấp xỉ 24,43% tổng quy mô đào tạo của các trường đại học, cao đẳng.

- Mạng lưới trường đại học, cao đẳng đã phủ kín 62/63 tỉnh, thành phố. Nguồn lực của xã hội đầu tư cho giáo dục đại học tăng nhanh, cơ chế quản lý nhà nước về giáo dục đại học đã đổi mới, tăng cường giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục đại học và cơ chế giám sát chất lượng đào tạo và việc thực hiện cam kết đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục đại học.

1.1.2. Số sinh viên tốt nghiệp: Năm 1987 có 19.900 sinh viên tốt nghiệp, năm 1997 có 73.736 (tăng 3,7 lần so với 1987) và năm 2010 có 222.665 (tăng 11 lần so với năm 1987).

1.1.3. Ngành nghề đào tạo: Tỷ lệ đào tạo các ngành kỹ thuật - công nghệ, nông - lâm - ngư, y dược, văn hóa - nghệ thuật, thể dục, thể thao tăng; đào tạo nguồn nhân lực thuộc các lĩnh vực công nghệ, thông tin, sinh học, vật liệu mới được ưu tiên.

1.1.4. Hình thức đào tạo: Theo quy định của Luật Giáo dục 1998 và 2005, hình thức đào tạo cao đẳng, đại học được đa dạng hoá, gồm đào tạo chính quy tập trung và giáo dục thường xuyên/đào tạo không chính quy (vừa làm vừa học, đào tạo từ xa và tự học có hướng dẫn).

1.1.5. Đội ngũ giảng viên: Năm 1987 đội ngũ giảng viên của các trường đại học, cao đẳng là 20.212 giảng viên với 2.041 tiến sĩ, 526 giáo sư, phó giáo sư. Năm 1997, tổng số giảng viên đã tăng lên 65.337 người với 6.475 tiến sĩ, 2.117 giáo sư, phó giáo sư. Năm học 2010 - 2011 tổng số giảng viên của các trường đại học, cao đẳng là 74.573 người.

1.1.6. Công tác xã hội hoá giáo dục và việc huy động nguồn lực cho giáo dục đã đạt được kết quả bước đầu: Năm 1997 mới có 15 trường đại học tự thực, đến nay đã có 50 trường đại học, 30 trường cao đẳng ngoài công lập.

1.1.7. Trong những năm gần đây, công tác quản lý chất lượng đã được chú trọng: Đã hình thành các tổ chức chuyên trách về đánh giá và kiểm định chất lượng. Tính đến tháng 12/2008, đã có 114/163 (70%) trường đại học tự đánh giá, trong đó có 40 trường được đánh giá ngoài. Công tác quản lý giáo dục đại học đã có chuyển biến theo hướng tăng quyền tự chủ, tự chịu trách

nhiệm của các cơ sở đào tạo. Một số văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành nhằm cụ thể hóa các chủ trương đó trong đó Nghị định 115/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

1.2. Những hạn chế, bất cập

1.2.1. Về hệ thống giáo dục đại học

Cơ cấu hệ thống giáo dục đại học còn có những bất cập nhất định. Tình trạng chưa cân đối giữa cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề đào tạo chậm được khắc phục, chưa đáp ứng thật tốt yêu cầu nhân lực của xã hội: nhiều trường đào tạo về kinh tế, tài chính, kế toán, ngân hàng v.v... nhưng ít trường đào tạo về công nghệ, kỹ thuật, khoa học.

Hệ thống giáo dục đại học Việt Nam phân tầng chưa thật rõ rệt, sự phát triển của giáo dục đại học chưa thật tương xứng với sự phát triển của kinh tế - xã hội Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam hiện tại còn chứa một số yếu tố chưa hợp lý: nhiều loại hình trường (đại học, trường đại học, viện đại học, học viện trong học viện); một số trường đại học đào tạo cả trình độ cao đẳng, trung cấp, dạy nghề; một số trường cao đẳng đào tạo cả trung cấp và công nhân kỹ thuật dẫn đến nguồn lực bị phân tán không tập trung vào nhiệm vụ chính của bậc học.

1.2.2. Chất lượng đào tạo đại học

Chất lượng đào tạo đã được nâng cao nhiều, song chưa đáp ứng thật tốt yêu cầu của xã hội do chương trình đào tạo chưa hiện đại và tổ chức đào tạo chưa tốt. Sự phát triển quy mô giáo dục đại học trong những năm qua đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân, nhưng chất lượng giáo dục chưa theo kịp được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế, một phần do quy mô đào tạo tăng quá nhanh (1.649.028 sinh viên so với 133.136 sinh viên tăng gần 12,39 lần), trong khi các điều kiện đảm bảo chất lượng chưa tương xứng. Trong giáo dục đại học chưa giải quyết được mâu thuẫn giữa phát triển số lượng với nâng cao chất lượng. Còn những nội dung trong chương trình giáo dục đại học đôi khi còn nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa gắn với yêu cầu xã hội, chưa phù hợp với nhu cầu và khả năng học tập của đa số sinh viên. Phương pháp dạy học ở một số trường, bộ môn vẫn theo lối truyền thụ một chiều, đòi hỏi sinh viên phải ghi nhớ máy móc, chưa phát huy được tư duy phê phán, tư duy sáng tạo và tinh thần tự học ở sinh viên. Đội ngũ giảng viên ở một số trường, nhất là các trường ở địa phương còn thiếu về số lượng, yếu về chuyên môn cũng như kinh nghiệm thực tế. Công tác nghiên cứu khoa học chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu thực tiễn của phát triển kinh tế - xã hội, chưa gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo, nhất là đào tạo tiến sĩ. Cơ sở vật chất của nhà trường còn thiếu thốn. Chưa kết nối được đào tạo của

nhà trường với thực tế đòi hỏi của xã hội. Công tác thanh, kiểm tra còn hạn chế. Hệ thống kiểm định chất lượng đào tạo đại học đang hình thành.

1.2.3. Về xã hội hóa giáo dục

Xã hội hóa giáo dục hiện nay có nhiều thành tựu, song vẫn có những điều bất cập. Nhà nước hiện mới chỉ huy động được một phần nguồn lực của xã hội cho giáo dục đại học (80 trường dân lập, tư thục ra đời), chưa huy động được nhiều nguồn lực nước ngoài cho giáo dục đại học, thiếu yếu tố giám sát của xã hội. Xã hội hóa giáo dục hiện nay ở một số địa phương chưa toàn diện, nội dung chính vẫn chưa thực hiện tốt, đó là đầu ra của giáo dục đại học vẫn chưa thể đáp ứng nhu cầu của xã hội, dẫn đến việc cung - cầu không gặp được nhau, thiếu sự gắn kết giữa các cơ sở giáo dục đại học với viện nghiên cứu và doanh nghiệp.

1.2.4. Về đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý

Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục ở một số trường đại học chưa đáp ứng được nhiệm vụ giáo dục đào tạo trong thời kỳ mới. Còn thiếu quy hoạch đào tạo đội ngũ giảng viên đại học dẫn đến tình trạng đội ngũ giảng viên vừa thừa, vừa thiếu, vừa không đồng bộ về cơ cấu. Chính sách lương cho giảng viên và cán bộ quản lý của Nhà nước còn bất cập và chưa thỏa đáng, đặc biệt là đối với giảng viên đại học có học vị, chức danh khoa học.

1.3. Những nguyên nhân của hạn chế, bất cập

Công tác quản lý giáo dục còn nhiều bất cập: Các văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách về giáo dục đại học chưa hoàn chỉnh. Việc chia cắt các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với các bộ ngành khác đã làm cho việc quản lý nhà nước đối với hệ thống giáo dục đại học chưa thống nhất.

Đầu tư của Nhà nước cho giáo dục đại học còn chưa đáp ứng được nhu cầu giáo dục ngày càng lớn hiện nay.

Quá trình hội nhập quốc tế đã mang tới những cơ hội lớn nhưng cũng mang đến nhiều thách thức đối với giáo dục đại học. Mặt trái của kinh tế thị trường đã có ít nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến giáo dục đại học.

2. Nội dung đổi mới giáo dục đại học

2.1. Quan điểm chỉ đạo

Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục và đào tạo, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng lập

ngiệp. Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục... Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học.

2.2. Mục tiêu

Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học, tạo được chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả và quy mô, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế và nhu cầu học tập của nhân dân. Đến năm 2020, giáo dục đại học Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao, thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.3. Nội dung đổi mới

2.3.1. Đổi mới hệ thống giáo dục đại học

Cải cách triệt để và tái cơ cấu hệ thống giáo dục và đào tạo, từ trung ương đến cơ sở, từ tư duy, quan điểm, chương trình đào tạo đến phương pháp, phương tiện dạy và học theo hướng hội nhập quốc tế.

Rà soát, đánh giá lại mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học hiện có; đổi mới công tác quy hoạch phát triển mạng lưới, bảo đảm thực hiện đúng các mục tiêu phát triển giáo dục đại học.

Phân tầng đại học theo 3 tầng:

- Đại học nghiên cứu (đào tạo và cấp đến văn bằng tiến sĩ): Trong đó, có một số viện nghiên cứu được sáp nhập.
- Đại học ứng dụng (đào tạo và cấp đến văn bằng thạc sĩ).
- Các trường cao đẳng: tổ chức giảng dạy và cấp đến văn bằng cao đẳng. Trong đó, có thể trường trung cấp chuyên nghiệp, trường dạy nghề sáp nhập vào.

Đầu tư mạnh mẽ cho một số viện nghiên cứu trọng điểm có quy mô lớn phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước.

Xây dựng cơ chế liên thông từ cao đẳng lên đại học; liên thông giữa các trường đại học; liên thông giữa các trường đại học của Việt Nam với hệ thống giáo dục đại học quốc tế.

2.3.2. Nâng cao chất lượng đào tạo

Xây dựng, chuẩn hóa đội ngũ giảng viên cả về số lượng và chất lượng. Đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương pháp giáo dục, đào tạo;

Chuẩn hóa chương trình và giáo trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu của thực tiễn xã hội và hội nhập quốc tế;

Tăng cường đầu tư nguồn lực (tài chính và nhân lực) xứng đáng cho các cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục đại học;

Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

2.3.3. Xã hội hóa giáo dục đại học

Có chính sách khuyến khích cá nhân, tổ chức xã hội trong và ngoài nước tham gia tích cực vào việc mở trường đại học, hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục đại học.

Có cơ chế để các nhà tuyển dụng, hội nghề nghiệp và một số thành phần xã hội khác có liên quan tham gia vào việc xây dựng nội dung, chương trình đào tạo của nhà trường phục vụ nhu cầu xã hội.

Xây dựng quy định về Hội đồng trường có thành phần tham gia của xã hội (nhà tuyển dụng lao động, hội nghề nghiệp, cha mẹ sinh viên...) để giám sát chất lượng đào tạo và hoạt động của nhà trường.

2.3.4. Chế độ chính sách đối với giảng viên và cán bộ quản lý

Xây dựng chế độ lương phù hợp với chức danh, học vị cho đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục trưởng thành từ giảng viên.

Có chính sách động viên, khuyến khích giảng viên, cán bộ quản lý ra nước ngoài dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế, tham quan, dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn, giảng dạy để tiếp thu công nghệ mới, kiến thức mới.

Có chế độ khuyến khích thu hút người có năng lực chuyên môn, trình độ cao, nhiều kinh nghiệm trong và ngoài nước làm giảng viên.

2.3.5. Đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục đại học

Đổi mới tư duy quản lý nhà nước về giáo dục đại học.

Thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục đại học là Bộ Giáo dục và Đào tạo; từng bước xóa bỏ cơ quan chủ quản cơ sở giáo dục đại học.

Xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục đại học, trước hết là tập trung xây dựng Luật Giáo dục đại học.

Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, chuyển đổi từ cơ chế nhà nước kiểm soát sang cơ chế nhà nước giám sát kết hợp với đào tạo theo nhu cầu xã hội.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục đại học về việc thực hiện các quy định của pháp luật.

Yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học phải công bố công khai, chuẩn đầu ra và các điều kiện đảm bảo chất lượng.

Xác lập cơ chế kiểm tra, giám sát của xã hội; phát huy vai trò của các đoàn thể, tổ chức quần chúng, đặc biệt là các hội nghề nghiệp trong việc giám sát chất lượng giáo dục đại học.

Từng bước giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học (đội ngũ nhân lực, học thuật, tài chính, đào tạo và cấp văn bằng, phong chức danh khoa học) trên cơ sở tiêu chí cụ thể và các điều kiện đảm bảo chất lượng của nhà trường.

Kiến toàn bộ máy quản lý nhà nước về quản lý giáo dục đại học; thành lập cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục độc lập; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đại học; phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục đại học theo đối tượng và chức năng nhiệm vụ.

Các cơ sở giáo dục đại học tổ chức quản lý và quản trị nhà trường theo nội dung được phân cấp và chịu sự giám sát của xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hội đồng trường.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Hội nghị Sơ kết triển khai chỉ thị 296/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới công tác quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010 - 2012.
2. Thống kê giáo dục đào tạo năm học 2010 - 2011.
3. Vietnam Education and Training Directory (third edition - 2004).
4. Báo cáo chương trình chính sách phát triển giáo dục đại học (giai đoạn 2) năm 2010.
5. Kỳ yếu Hội nghị toàn quốc các trường sư phạm (8/2011).